

Số: /GP-UBND Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2025

**GIẤY PHÉP**  
**Nhập khẩu hóa chất Bảng 3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng 3 tại Văn bản số KIB/20251113 ngày 19/11/2025 của Công ty TNHH Kurabe Industrial Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 127/TTr-SCT ngày 20/11/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Kurabe Industrial Bắc Ninh

1. Địa chỉ trụ sở chính: Số 5, đường 7, VSIP Bắc Ninh, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

2. Số điện thoại: 02223765802; Email: nptthao.mt@kurabebac.com.vn

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 2300359749, đăng ký lần đầu ngày 05/12/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 14/11/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

4. Mã số doanh nghiệp/thuế: 2300359749.

- Được nhập khẩu hóa chất Bảng 3 như Phụ lục đính kèm.

- Mục đích nhập khẩu: Sử dụng (dung dịch làm mềm thay thế SPG623).

- Thời gian thực hiện nhập khẩu: Đến hết ngày tháng 5 năm 2026.

**Điều 2.** Công ty TNHH Kurabe Industrial Bắc Ninh phải thực hiện đúng mục đích nhập khẩu, các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và các văn bản pháp luật liên quan.

**Điều 3.** Giấy phép này có giá trị đến hết ngày tháng 5 năm 2026./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 1;
- Hải quan cửa khẩu;
- Chi cục hải quan khu vực V;
- Sở Công Thương;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, KTTH, THĐT, TT PVHCC;
  - + Lưu: VT, KTTH<sub>Tú</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Thịnh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC HÓA CHẤT NHẬP KHẨU**

(Kèm theo Giấy phép nhập khẩu số: /GP-UBND ngày tháng 11 năm 2025)

TT	Tên thương mại	Thông tin thành phần hóa chất Bảng			Khối lượng			Mô tả	Quốc gia xuất khẩu/nhập khẩu
		Tên hóa chất Bảng	Mã CAS	Hàm lượng (%)	Đơn vị tính	Thành phần hóa chất Bảng	Hỗn hợp chứa hóa chất Bảng		
1	LUBRICANT ANILIGHT A-33	Triethanolamine	102-71-6	<2	Kilogram (Kg)	<3,4	170	Nhập khẩu 170 kg hỗn hợp chất có tên thương mại LUBRICANT ANILIGHT A-33 có chứa <2 % Triethanolamine (tương đương <3,4kg) theo số hóa đơn KIB251004DG ngày 27/10/2025 giữa Công ty TNHH Kurabe Industrial Bắc Ninh và Kurabe Industrial Co.,Ltd (Quốc gia: Nhật Bản)	Nhật Bản